

Số: 74 /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2018/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2018/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

“Điều 4. Thông báo áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này

1. Tổ chức tín dụng xác định tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư này, trường hợp đáp ứng tiêu chí áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này, gửi văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ, trong đó nêu rõ mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ, cụ thể như sau:

a) Giai đoạn 1: Gửi văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ giai đoạn 1 theo Phụ lục I đính kèm Thông tư này trước ngày 15 tháng 01;

b) Giai đoạn 2: Gửi văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ giai đoạn 2 theo Phụ lục II đính kèm Thông tư này trước ngày 15 tháng 7.

2. Văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này được gửi bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Văn bản đề nghị được sử dụng chữ ký số, chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

3. Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản (văn bản giấy hoặc văn bản điện tử) để thông báo cho tổ chức tín dụng về mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ áp dụng hoặc không chấp thuận áp dụng mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo đề nghị của tổ chức tín dụng và nêu rõ lý do không chấp thuận. Thời hạn thông báo như sau:

a) Giai đoạn 1: Trước ngày 30 tháng 01;

b) Giai đoạn 2: Trước ngày 30 tháng 7.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5

“3. Báo cáo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, hợp pháp và hợp lệ của số liệu tổng dư nợ tín dụng, dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để làm căn cứ áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ quy định tại Thông tư này; giải trình bằng văn bản về các số liệu này trong trường hợp nhận được văn bản yêu cầu giải trình của Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế).”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế:

a) Trên cơ sở văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng, có văn bản đề nghị Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (trong trường hợp tổ chức tín dụng thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực) cung cấp thông tin được phát hiện qua công tác thanh tra, giám sát liên quan đến tính chính xác của số liệu dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tại văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng;

b) Trường hợp nhận được thông tin từ Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại khoản 2, điểm a khoản 2a, điểm a khoản 4 Điều này, xem xét việc yêu cầu tổ chức tín dụng giải trình về tính chính xác của các số liệu tại văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ;

c) Trên cơ sở văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng, thông tin được cung cấp tại khoản 2, điểm a khoản 2a, điểm a khoản 4 Điều này (nếu có) và văn bản giải trình của tổ chức tín dụng (nếu có), Vụ Tín dụng các ngành kinh tế xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt và có văn bản đề thông báo cho tổ chức tín dụng về mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ áp dụng hoặc không chấp thuận áp dụng mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này, đồng thời gửi Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính (hoặc nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở) và các đơn vị liên quan để thực hiện.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2: Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng: Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản cung cấp thông tin được phát hiện qua công tác giám sát liên quan đến tính chính xác của số liệu dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tại văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng trong trường hợp có thông tin này.”.

3. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước:

a) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có văn bản cung cấp thông tin được phát hiện qua công tác thanh tra liên quan đến tính chính xác của số liệu dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tại văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng trong trường hợp có thông tin này;

b) Thanh tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với việc tổ chức tín dụng báo cáo số liệu để đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính (hoặc nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở):

a) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản cung cấp thông tin được phát hiện qua công tác thanh tra, giám sát liên quan đến tính chính xác của số liệu dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tại văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trong trường hợp có thông tin này;

b) Thanh tra, giám sát, xử lý theo thẩm quyền đối với việc tổ chức tín dụng báo cáo số liệu để đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này; theo dõi, phối hợp cùng với các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước trong việc triển khai thực hiện Thông tư này.”.

Điều 6. Thay thế các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-NHNN

1. Thay thế Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-NHNN bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thay thế Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-NHNN bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của NHNN;
- Lưu: VP, PC, CSTT.



Phạm Thanh Hà

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số **74** /2025/TT-NHNN ngày **31** tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2018/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Số:.....

ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 1

(từ tháng 02 đến hết tháng 7 năm hiện hành (năm t))

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Qua Vụ Tín dụng các ngành kinh tế)

Tên tổ chức tín dụng:.....

Số định danh của tổ chức tín dụng:.....

Tổ chức tín dụng báo cáo số liệu tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân và đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ như sau:

1. Số liệu tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân

	Dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (triệu đồng)	Tổng dư nợ tín dụng (triệu đồng)	Tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân (%)
1. Dư nợ			
Đến cuối ngày 30/9 năm trước liền kề (năm (t-1))	A1	B1	
Đến cuối ngày 31/12 năm trước liền kề (năm (t-1))	A2	B2	
2. Bình quân	$A=(A1+A2)/2$	$B=(B1+B2)/2$	$C=A/B \times 100\%$

2. Tổ chức tín dụng đề nghị áp dụng mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ như sau (nêu rõ mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư 14/2018/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung):....

..., ngày..... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số **74** /2025/TT-NHNN ngày **31** tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2018/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Số:.....

ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2
(từ tháng 8 năm hiện hành (năm (t)) đến hết tháng 01 năm tiếp theo (năm (t+1)))

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Qua Vụ Tín dụng các ngành kinh tế)

Tên tổ chức tín dụng:.....

Số định danh của tổ chức tín dụng:.....

Tổ chức tín dụng báo cáo số liệu tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân và đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ như sau:

1. Số liệu tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân

	Dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (triệu đồng)	Tổng dư nợ tín dụng (triệu đồng)	Tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân (%)
1. Dư nợ			
Đến cuối ngày 31/3 năm hiện hành (năm (t))	D1	E1	
Đến cuối ngày 30/6 năm hiện hành (năm (t))	D2	E2	
2. Bình quân	$D=(D1+D2)/2$	$E=(E1+E2)/2$	$F=D/E \times 100\%$

2. Tổ chức tín dụng đề nghị áp dụng mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ như sau
(nêu rõ mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư 14/2018/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung):....

..., ngày..... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

